TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 16/2019/HSST
Ngày 20/6/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN,TỈNH ĐẮKLẮK.

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lawsk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Triệu Mùi S** - Sinh năm 1964 tại tỉnh Cao bằng.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12;

Con ông Triệu Dào V (đã chết) và bà Triệu Mùi M, sinh năm: 1932;

Chồng: Lý Văn U, sinh năm 1963; có 04 con ruột, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1996;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10 ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B – có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Trần Đức D và bà Mai Thanh H – có mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Mùi S: Ông Phùng Văn H– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Người phiên dịch cho bị cáo: Ông Triệu Văn T – Chủ tịch Hội chủ thập đỏ xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk –vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/4/2019 bị cáo Triệu Mùi S đến cửa hàng thu mua nông sản của ông Trần Đức D và bà Mai Thanh H để bán hạt điều. Sau khi bán hạt điều xong bị cáo Sâu xin đi nhờ nhà vệ sinh và được ông D cho phép. Khi đi vào nhà vệ sinh thì bị cáo S phát hiện có quần áo của ông D treo bên trong, bị cáo S đã lục tìm và lấy được trong túi quần dài của ông D số tiền 2.751.000đ và cất giấu vào trong người của mình. Thấy bị cáo S ở trong nhà vệ sinh thời gian khá lâu mà chưa ra ngoài nên bà Mai Thanh H vợ ông D nghi ngờ đi ra nhà vệ sinh kiểm tra thì phát hiện bị cáo S đang lục tìm quần áo để trong nhà về sinh nên báo cho ông D. Sau khi bị cáo S rời khỏi nhà vệ sinh thì ông D đi vào kiểm tra và phát hiện số tiền để trong túi quần đã bị mất. Ngay sau đó ông D đã giữ bị cáo S lại, yêu cầu giao nộp số tiền đã chiếm đoạt, đồng thời báo sự việc cho cơ quan Công an huyện B. Thu giữ trên người bị cáo S số tiền 2.751.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định số tiền 2.751.000đ là tài sản của ông Trần Đức D. Ngày 30/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, ra Quyết định xử lý vật chứng số 285 trao trả số tiền trên cho ông D, là chủ sở hữu.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 12/QĐ-VKS ngày 04/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Triệu Mùi S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Triệu Mùi S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa bị hại ông Trần Đức D đã nhận đủ tài sản nên không có ý kiến yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, đánh giá, phân tích những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Chủ tọa phiên tòa tuyên bố bị cáo Triệu Mùi S phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Chủ tọa phiên tòa:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

-Xử phạt bị cáo Triệu Mùi S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu ý kiến gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo Triệu Mùi S tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/4/2019 bị cáo Triệu Mùi S, sinh năm 1964, trú tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đến của hàng thu mua nông sản của ông Trần Đức D, sinh năm 1971, tại Thôn B, xã T, huyện B để bán hạt điều. Sau khi bán hạt điều xong bị cáo S xin đi nhờ nhà vệ sinh và được ông D cho phép. Khi đi vào nhà vệ sinh thì bị cáo S phát hiện có quần áo của ông D treo bên trong, bị cáo S đã lén lút lục tìm và lấy trong túi quần dài của ông D số tiền 2.751.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng) bỏ vào người cất giấu.

Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành, không những xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do mình thực hiện cũng như hậu quả xẩy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Triệu Mùi S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 173. Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn); điểm i (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng); điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 2 (người dân tộc thiểu số) Điều 51 Bộ luật hình sự, Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ rằng, bị cáo sinh sống thuộc thôn buôn đặc biết khó khăn.

[4] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền định phương và gia đình cũng đủ để răn đe

và giáo dục bị cáo. Xét bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống thuộc thôn buôn đặc biết khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu ý kiến gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Triệu Mùi S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Triệu Mùi S 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Do bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống thuộc thôn buôn đặc biết khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2/Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu ý kiến gì thêm nên không đặt ra để giải quyết

3/ Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bị cáo Triệu Mùi S thuộc hộ nghèo và thuộc thôn buôn đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện ;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn